TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167**/2024/KDTM-ST
Ngày: 10/7/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

2/ Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2024/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T;

Địa chỉ: Tầng B Tòa nhà R, số F N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Quỳnh M (theo giấy ủy quyền ngày 15 tháng 3 năm 2024) (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH T;

Địa chỉ: B N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Đình P;
Địa chỉ: 2 N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, bà Trần Thị Quỳnh M - *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn* Công ty Cổ phần T *trình bày:*

Công ty Cổ phần T (tên cũ Công ty TNHH T) (sau đây gọi là Công ty T) và Công ty TNHH T (sau đây gọi là Công ty T) đã ký Hợp đồng cung cấp và lắp đặt số 09062021/HDCCLĐ/TSP-DAITHANH ngày 09/6/2021, ký Phụ lục 1 ngày 28/6/2021 về việc điều chỉnh khối lượng, giá trị quyết toán phí dịch vụ hệ thống kiểm soát xe tự động, ký Phụ lục 2 ngày 13/7/2021 về việc bổ sung thêm khối lượng thi công và phí dịch vụ, đính kèm hợp đồng.

Hai bên thỏa thuận, Công ty T sẽ cung cấp lắp đặt hệ thống kiểm soát xe tại chung cư Đ, Công ty T sẽ trả chi phí cung cấp và lắp đặt là 193.696.760 đồng đã bao gồm thuế GTGT 10%, nhưng chưa bao gồm chi phí phát sinh.

Kể từ ngày ký kết hợp đồng, Công ty T luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, kể từ ngày bàn giao thiết bị là ngày 23/11/2021 cho đến nay Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí cung cấp và lắp đặt hệ thống kiểm soát xe cho Công ty T.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty T đã thanh toán 79.043.982 đồng cho Công ty T. Sau khi đã bàn giao thiết bị và hai bên đã ký biên bản nghiệm thu, Công ty T đã gửi Công văn kèm bảng kê chi tiết công nợ cho Công ty T để yêu cầu xác nhận và thanh toán nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi hay khoản thanh toán nào của Công ty T. Tổng số nợ gốc kể từ ngày 23/11/2021 mà Công ty T phải thanh toán cho Công ty T là 114.652.778 đồng đã bao gồm thuế GTGT 10%, nhưng chưa bao gồm khoản phí phát sinh là 3.740.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán.

Do đó, Công ty T khởi kiện Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty T thoanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến thời điểm 28/9/2023 gồm:

+ Nợ gốc là 118.392.778 đồng;

+ Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 23/12/2021 đến ngày 28/9/2023 là 17.048.560 đồng.

Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty T trả lại cho Công ty T số tiền theo Hợp đồng cung cấp và lắp đặt số 09062021/HDCCLĐ/TSP-DAITHANH ngày 09/6/2021 và các phụ lục đã ký số tiền gốc là 114.652.778 đồng, yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn đề nghị được rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm các yêu cầu:

Buộc Công ty T trả lại cho Công ty T trả phí phát sinh là 3.740.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 23/12/2021;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, Công ty T và Công ty T có ký kết hợp đồng cung cấp và lắp đặt. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty T hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0302291884, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 20/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp cho Công ty TNHH T có địa chỉ trụ sở chính tại: B N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty T khởi kiện Công ty T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Về tư cách tố tụng:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn Công ty Cổ phần T, bị đơn Công ty TNHH T.

Xét Giấy ủy quyền ngày 15/3/2024 của Công ty T là ủy quyền hợp lệ nên bà Trần Thị Quỳnh M có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Xét về người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0302291884, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 20/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp cho Công ty TNHH T thì ông Ngô

Triều V là người đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn còn lại là ông Lê Đình P. Nhưng theo Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 932-25/KLĐt-PC03-DD8 ngày 21/3/2022, ông Ngô Triều V bị đề nghị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Như vậy, căn cứ vào khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty T kể từ thời điểm ông Ngô Triều V bị truy cứu trách nhiệm hình sự là ông Lê Đình P.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Lê Đình P mặc dù đã được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu buộc Công ty T trả cho Công ty T phí phát sinh là 3.740.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 23/12/2021. Xét sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật nên Hội đồng ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc Công ty T thanh toán số tiền còn thiếu là 114.652.778 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 09/6/2021, Công ty T và Công ty T có ký Hợp đồng cung cấp và lắp đặt số 09062021/HDCCLĐ/TSP-DAITHANH, ký Phụ lục 1 ngày 28/6/2021 về việc điều chỉnh khối lượng, giá trị quyết toán phí dịch vụ hệ thống kiểm soát xe tự động, ký Phụ lục 2 ngày 13/7/2021 về việc bổ sung thêm khối lượng thi công và phí dịch vụ, đính kèm hợp đồng, tổng giá trị hợp đồng và các phụ lục là 193.696.760 đồng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, chủ thể tham gia hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, hình thức hợp đồng được lập bằng văn bản. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên xác định hợp đồng giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, đây là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 Bộ luật dân sự 2015. Thực hiện hợp đồng, ngày 15/6/2021 Công ty T đã chuyển số tiền 44.239.982 đồng là tiền tạm ứng 50% theo Hợp đồng nói trên. Ngày 05/7/2021, Công ty T tiếp tục thanh toán số tiền 34.804.000 đồng cho Hợp đồng và phụ lục 1. Tổng số tiền Công ty T đã thanh toán cho Công ty T là 79.043.982 đồng. Đến ngày 23/11/2021, sau khi hoàn thành các công việc theo thỏa thuận trong Hợp đồng và các phụ lục, Công ty T đã ký biên bản bàn giao thiết bị số 231121/BBBGTB/TSP-DAITHANH, hai bên cũng đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục nhưng Công ty T không tiếp tục thanh toán khoản tiền còn lại theo Hợp đồng và các phụ lục. Công ty T đã bàn giao đầy đủ hàng hóa, thi công lắp đặt và hạng mục đã được đưa vào sử dụng, Công ty TSP cũng đã giao đầy đủ chứng từ hàng hóa cho Công ty T. Như vậy, cho thấy nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ trong

hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 114.652.778 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên là phù hợp, nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 114.652.778 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại. Án phí bị đơn phải chịu là 5.732.639 đồng.

H lại cho nguyên đơn số tiền 3.300.177 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2022/0009063 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 401; Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH T trả cho Công ty Cổ phần T số tiền 114.652.778 (một trăm mười bốn triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám) đồng.

- Phương thức thanh toán: Một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty T trả cho Công ty T phí phát sinh là 3.740.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 23/12/2021.

3. Về án phí:

- Công ty TNHH T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.732.639 (năm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi chín) đồng.

- H lại cho Công ty Cổ phần T số tiền án phí đã nộp là 3.300.177 (ba triệu ba trăm nghìn một trăm bảy mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0009063 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải Sâm